TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐÔNG SƠN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/ DS - ST
Ngày: 08/ 8/ 2019
V/v: " Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con khi ly hôn";

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG SƠN, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Thị Hương
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đoan Anh
2. Bà Lê Thị Hường

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Trần Thị Liên – Thư ký TAND huyện Đông Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Sơn tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Cao Kỳ - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đông Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 40/2019/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 4 năm 2019 về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2019/QĐĐVAXX ngày 28 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 18/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị H - Sinh năm 1994 – Có mặt
HKTT: Đội 10, xã ĐN, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa.
Địa chỉ hiện nay: Đội 12, xã ĐN, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Anh Lê Đăng B – Sinh năm 1989 – Vắng mặt
HKTT: Đội 10, xã ĐN, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Đăng B kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐN, huyện ĐS, tỉnh Thanh Hóa vào năm 2013.

Sau khi kết hôn anh, chị về chung sống cùng với gia đình anh B tại Đội 10 , xã Đ N, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn là do anh B không lo làm ăn, thường xuyên chơi bời qua đêm và không quan tâm đến vợ con. Chị H đã động viên nhiều lần, nhưng anh B không nghe mà còn có lần đánh đập chị. Quá trình vợ chồng mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhiều lần, nhưng không có kết quả.

Đến năm 2018 do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chị H đã bế con về nhà mẹ đẻ tại Thôn 12, xã Đ N để ở và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Hiện nay bố anh B đã mất, mẹ anh B đã đi vào miền Nam ở với con gái, còn anh B vẫn thường xuyên đi đi về về và thi thoảng vẫn đến thăm con. Chị H đã nhiều lần động viên anh B đến Tòa để giải quyết ly hôn, nhưng anh B không đến và nói tùy chị tự giải quyết.

Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh B.

Về con chung: Anh B và chị H có 01 con chung là cháu Lê Thị Bảo Ng – sinh ngày 11/6/2013

Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản và công nợ: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Lê Sỹ B không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã về gia đình anh B để giải thích và yêu cầu anh B viết bản tự khai, nhưng khi anh B đang viết bản tự khai do bức xúc anh B lại không viết nữa và cũng không tiếp tục làm việc với Tòa án. Mặc dù Tòa án đã nhiều lần liên lạc qua điện thoại và niêm yết hợp pháp các thủ tục tố tụng, thông báo về phiên hòa giải, nhưng anh B vẫn không đến và không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương: Anh B có hộ khẩu thường trú tại địa phương, nhưng thời gian gần đây anh B thường xuyên vắng nhà, đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết, thi thoảng anh B vẫn về địa phương. Quá trình anh, chị chung sống tại địa phương có 01 con chung và mâu thuẫn với nhau như thế nào chính quyền địa phương không biết vì không thấy anh B, chị H báo cáo. Từ năm 2018 đến nay chị H đã đem con về nhà mẹ đẻ tại thôn 12, xã Đông Ninh để ở. Nay chị H xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, chị tha thiết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn và được trực tiếp nuôi con, chị H không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung vì hiện nay chị không biết anh B có công việc làm và thu nhập không .

Ý kiến của đại diện VKS:

- Về việc chấp hành pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án: Từ khi thụ lý đến quá trình xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Pháp luật. Riêng bị đơn không tuân thủ các quy định của pháp luật, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã trực tiếp gặp anh B để giải thích và niêm yết các thủ tục tố tụng nhưng anh B vẫn vắng mặt không có lý do.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện VKS đề nghị HĐXX:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS. Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của BLTTDS. Điều 56; Điều 57; Điều 81; 82, 83 của Luật HNGĐ. Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn với anh Lê Đăng B;

- Về con chung: Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bảo Ng – sinh ngày 11/6/2013. Anh B phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung;

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở;

- Về tài sản, công nợ: Anh B, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét;

- Về án phí: Chị H phải chịu án phí LHST là 300.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về t tụng:*

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" các đương sự đều có hộ khẩu thường trú tại xã Đ N, huyện Đ S, tỉnh Thanh Hóa là thuộc thẩm quyền giải quyết vụ án của Tòa án nhân dân huyện Đông Sơn theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

Bị đơn đã được Tòa án niêm yết giấy triệu tập hợp lệ lần thứ 2 đến tham gia phiên tòa, nhưng tại phiên toà hôm nay, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân:

Chị H và anh B kết hôn với nhau từ năm 2013, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, chị H đã động viên nhiều lần, nhưng anh B không nghe mà còn có lần đánh đập chị . Do mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, nên chị đã bế con về nhà mẹ đẻ tại Thôn 12, xã Đ N để ở từ 2018 đến nay. Mặt khác quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần triệu tập và liên lạc qua điện thoại với anh B đến Tòa án để hòa giải, nhưng anh B đều vắng mặt không lý do. Như vậy chứng tỏ anh B không có thiện chí để Tòa án hòa giải cho anh, chị về đoàn tụ. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn, chị tha thiết xin được ly hôn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị .

[3] Về nuôi con chung:

Anh B và chị H có 01 con chung Lê Thị Bảo Ngọc – sinh ngày 11/6/2013. Hiện nay cháu Ng đang ở với chị H .

Ly hôn chị H có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con, xét nguyện vọng được trực tiếp nuôi con của chị là chính đáng. Mặt khác để tạo điều kiện cho cháu được tiếp tục sống và học tại môi trường ổn định. Do đó HĐXX áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bảo Ng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Hiện nay chính quyền địa phương và chị không biết anh B làm gì, có thu nhập hay không. Mặt khác chị H cũng không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung. Do đó HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của chị không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản, công nợ: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Khoản 4 Điều 147 BLTTDS và Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Điều 56; Điều 81; 82, 83 của Luật HNGĐ;

Điều 6, Điểm a khoản 5 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị H

1. Về hôn nhân**:** Xử cho chị Lê Thị H được ly hôn anh Lê Đăng B

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cho chị Lê Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Thị Bảo Ng – sinh ngày 11/6/2013.

2.2. Anh B không phải đóng tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản, công nợ: Anh B, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí*:* Chị Lê Thị H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số AA/2017/0001742 ngày 08/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông sơn, (Chị H đã nộp đủ án phí).

Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự;

Chị Lê Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lê Đăng B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã Đ N
- VKSND huyện ĐS;
- Chi cục THADS huyện ĐS;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Lê Thị Hương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Hội thẩm nhân dân **Chủ tọa phiên tòa**

Lê Đoan Anh
Lê Thị Hường

Lê Thị Hương

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TP Thanh Hoá;
- Chi cục THADS TP Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hương